

**Báo cáo tiêu chí xây dựng thành phố Hồ Chí Minh xã hội chủ nghĩa, văn minh hiện đại (Phần III)**

|  |            |  |
|--|------------|--|
|  | <b>4.2</b> | Hoàn chỉnh và xây dựng thêm các trung tâm vui chơi giải trí lớn  |
|  | <b>4.3</b> | Quy hoạch kiến trúc đô thị hài hòa, góp phần tạo nên mỹ quan đô thị.   |
|  | <b>4.4</b> | Tổ chức các loại hình vui chơi giải trí cho người dân, nâng cao tỷ lệ người đọc sách báo, xem biểu diễn các loại hình văn hóa nghệ thuật.                              |
|  | <b>4.5</b> | Xây dựng nhóm tiêu chí bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của thành phố Hồ Chí Minh.  |
|  | <b>4.6</b> | Xây dựng hệ thống đô thị vệ tinh, góp phần giảm dân, phân bố lại dân cư. Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các khu dân cư nội thành cũ, đặc biệt là các khu dân cư nghèo. |

| <b>IV. Môi trường y tế và giáo dục</b> |  |            |  |
|--|--|------------|--|
| <b>1</b>                               | <b>Dịch vụ bệnh viện</b>   | <b>1.1</b> | Đẩy mạnh xã hội hóa ngành y tế, tăng cường trang thiết bị y tế hiện đại, cán bộ, cơ sở vật chất cho bệnh viện tuyến quận huyện và cơ sở.   |
|  |  | <b>1.2</b> | Phấn đấu xây dựng một số bệnh viện, trung tâm y tế kỹ thuật cao, đạt chuẩn Singapore.  |
| <b>2.</b>                              | <b>Cung cấp các dịch vụ y tế</b>   | <b>2.1</b> | Bảo đảm nguồn cung cấp thuốc men cơ bản, quản lý tốt giá cả, Phát triển và quản lý tốt các trung tâm phân tích   |
|  |  | <b>2.2</b> | Bảo đảm tỷ lệ tử trẻ <5 tuổi, suy dinh dưỡng giảm xuống còn 5% (hiện nay là 10,8%)   |
|  |  | <b>2.3</b> | Khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế cho mọi người. Phân định rõ đối tượng được cấp miễn phí thẻ bảo hiểm y tế, đối tượng giảm viện phí.   |
|  |  | <b>2.4</b> | Tuổi thọ trung bình của người dân Thành phố tăng lên 78 tuổi (hiện nay là 75 tuổi). Giảm tỷ lệ tăng tự nhiên hàng năm xuống còn 1% dân số.   |
| <b>3</b>                               | <b>Tăng cường công tác vệ sinh phòng dịch, an toàn vệ sinh thực phẩm</b> | <b>3.1</b> | Không để xảy ra các bệnh dịch như tiêu chảy, cúm gia cầm, Quản lý tốt các mầm gây bệnh, côn trùng như muỗi gây dịch sốt xuất huyết   |
|  |  | <b>3.2</b> | Bảo đảm việc kiểm soát được an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cửa hàng ăn uống trên địa bàn thành phố  |
| <b>4</b>                               | <b>Giáo dục và đào tạo</b>   | <b>4.1</b> | Đào tạo người lao động mới có đạo đức XHCN, chấp hành tốt luật pháp, có năng lực làm chủ khoa học kỹ thuật tiên tiến, giao tiếp và hợp tác trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu khoa học và có sức khỏe. Chú trọng giáo dục đạo đức tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống yêu nước, yêu thành phố mình đang sống, thân thiện với nhau, hòa nhã, văn minh lịch sự với khách du lịch, vãng lai, đạo đức, chấp hành tốt pháp luật và có ý thức góp phần xây dựng thành phố. |
|  |  | <b>4.2</b> | Mạng lưới trường lớp được đa dạng hóa theo yêu cầu học tập của người dân, phân bố cân đối theo địa bàn dân cư. Học sinh trong lớp ít (dưới 30 học sinh/lớp).   |
|  |  | <b>4.3</b> | Cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phẩm chất và năng lực sư phạm đảm bảo được yêu cầu của phương pháp dạy học hiện đại.  |
|  |  | <b>4.4</b> | Điều kiện xã hội, môi trường giáo dục xã hội và gia đình đồng thuận với nhà trường tạo điều kiện học tập và rèn luyện tốt cho con em nhân dân.   |
|  |  | <b>4.5</b> | Đầu tư nhiều hơn nữa cho giáo dục đào tạo, có tập trung cho từng ngành nghề, từng giai đoạn. Thực hiện mạnh chủ trương   |

|   |  |            |  |
|---|--|------------|--|
|   |  |            | xã hội hóa giáo dục. Xây dựng một xã hội học tập, trong đó mọi người được bình đẳng về cơ hội học tập, nâng cao trình độ văn hóa và trình độ nghiệp vụ.                                |
|   |  | <b>4.6</b> | 100% đến Nhà trẻ, mẫu giáo, phổ cập tiểu học, trung học cơ sở đúng độ tuổi và phổ cập bậc trung học, phần đầu tốt nghiệp đại học trên 30%, người lao động hành nghề phải được đào tạo. |
| <b>V. Hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đô thị khác</b> |  |            |  |
| <b>1</b>  | <b>Giao thông đi lại thuận lợi</b>                 | <b>1.1</b> | Giảm dần điểm kẹt xe, thời gian kẹt xe, tần suất kẹt xe trong ngày. Tăng diện tích đất dành cho giao thông lên 22% quỹ đất đô thị, gấp 3 lần so với hiện nay.                          |
|   |  | <b>1.2</b> | Phương tiện vận tải công cộng, đảm bảo được 40% khối lượng đi lại của người dân.   |
|   |  | <b>1.3</b> | Bãi đậu xe trong thành phố: bảo đảm đủ chỗ cho ô tô và xe gắn máy. Xây dựng các bãi đậu xe quanh khu vực trung tâm.  |
|   |  | <b>1.4</b> | Via hè thông thoáng, đi lại thoải mái, có thể kết hợp với kinh doanh nhưng phải bảo đảm trật tự. Có đường dành cho người đi bộ ở khu trung tâm.  |
|   |  | <b>1.5</b> | Củng cố phát triển các ga đầu mối, sân bay, bến cảng.  |
| <b>2</b>  | <b>Được cung cấp điện đầy đủ</b>                   | <b>2.1</b> | Bảo đảm điện cho sản xuất và sinh hoạt (2.100 kwh/người/năm). Bảo đảm không bị cắt điện thường trong mùa nắng.   |
| <b>3</b>  | <b>Chống ngập nước đô thị</b>                      | <b>3.1</b> | Khôi thông các đoạn kênh bị ngưng trệ, hoàn chỉnh dần hệ thống các công trình thoát nước, đê bao, áp dụng các biện pháp phi công trình.  |
|   |  | <b>3.2</b> | Rất ít điểm còn ngập nước (<20), tiến tới không còn điểm ngập nước nào.  |
| <b>4</b>  | <b>Nhà ở và Điều kiện cư trú tốt</b>               | <b>4.1</b> | Xóa bỏ được toàn bộ các khu ổ chuột. Ở nông thôn, tổ chức các điểm dân cư tập trung, tạo được sự thông thoáng của không gian đô thị.   |
|   |  | <b>4.2</b> | Tạo điều kiện Nhà ở cho người thu nhập thấp, bảo đảm tất cả các hộ gia đình đều có chỗ ở (khác với khái niệm sở hữu nhà ở).  |
|   |  | <b>4.3</b> | Diện tích ở bình quân người tăng lên 18 m <sup>2</sup> (hiện nay khoảng trên 10 m <sup>2</sup> ).  |
|   |  | <b>4.4</b> | Nâng cao chất lượng nhà ở cho người nghèo, không còn nhà tạm bợ. Phổ biến mô hình chung cư để tiết kiệm đất.   |
| <b>5</b>  | <b>Tạo mảng xanh đô thị</b>                        | <b>5.1</b> | Phát triển đô thị xanh. Chủ động tích cực đưa chỉ tiêu cây xanh đầu người lên khoảng 7-10 m <sup>2</sup>   |
| <b>6</b>  | <b>Cung cấp nước sạch</b>                          | <b>6.1</b> | 100% số dân TP được cung cấp nước sạch, bảo đảm uống ngay được ( 200 lít/người/ngày).  |
| <b>7</b>  | <b>Thu gom rác và xử lý nước thải tốt</b>          | <b>7.1</b> | Rác thải được xử lý triệt để, không gây ô nhiễm.   |
|   |  | <b>7.2</b> | Nước thải sinh hoạt, y tế và công nghiệp được xử lý tốt trước khi ra hệ thống cống chung và sông.  |
| <b>VI. Môi trường tự nhiên</b>                        |  |            |  |
| <b>1</b>  | <b>Giảm ô nhiễm không khí, khói, bụi, tiếng ồn</b> | <b>1.1</b> | Giảm thiểu được tình hình ô nhiễm của đất, nước, không khí, tiếng ồn. Các nguồn thải được xử lý tốt, gần như được xử lý hoàn toàn.   |
|   |  | <b>1.2</b> | Giảm khói bụi trong không khí, đặc biệt là trong các khu dân cư.   |
| <b>2</b>  | <b>Xây dựng một hệ sinh thái đô thị TP HCM</b>     | <b>2.1</b> | Chịu ảnh hưởng thủy triều, địa hình thấp, cùng với việc thay đổi khí hậu, TP HCM cần tính toán xây dựng mặt bằng đô thị.   |
|   |  | <b>2.2</b> | TP HCM được định hướng trở thành đô thị sinh thái, thúc đẩy sự bảo tồn và phát triển bền vững, mang tính đặc thù sông rạch của một đô thị lớn phương Nam.                              |